

CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	
ĐẾN	Số..... 488 Ngày..... 17/4/2020

THÔNG BÁO
Về việc đấu giá tài sản

* Tổ chức đấu giá tài sản: **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản** (Số 06, Đường Chiến Thắng Sông Lô - phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang).

* Đơn vị có tài sản đấu giá: **Công ty Thủy điện Tuyên Quang** (Số 403, đường Trường Chinh, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang).

I. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá.

1. Tài sản đấu giá: (Lô số 1) Vật tư dự phòng, vật tư thừa sau lắp đặt dự án Thủy điện Tuyên Quang (Có biểu Phụ lục 1 chi tiết đính kèm).

2. Giá khởi điểm: 1.090.800.000đồng (Một tỷ không trăm chín mươi triệu tám trăm nghìn đồng) **bước giá:** 5.000.000đồng/bước.

(Giá khởi điểm đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, mọi chi phí liên quan đến việc bốc dỡ, vận chuyển do người mua được tài sản đấu giá chịu).

3. Tiền đặt trước: 140.000.000đồng/hồ sơ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) nộp vào tài khoản số **8106.2010.02558** của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản mở tại Ngân hàng NNo&PTNT chi nhánh thành phố Tuyên Quang từ ngày 29/4/2020 đến ngày 05/5/2020 (Tiền đặt trước nộp đủ và được tính là có khi tiền báo trên tài khoản của Trung tâm trước 16 giờ 00 phút ngày 05/5/2020).

II. Nộp hồ sơ và xem tài sản, đăng ký đấu giá.

1. Niêm yết đấu giá tài sản từ ngày 17/4/2020; xem tài sản và giấy tờ về tài sản từ ngày 27/4/2020 đến ngày 28/4/2020 (trong giờ hành chính) tại nơi có tài sản Kho vật tư của Công ty Thủy điện Na Hang, tổ 2, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Đăng ký xem tài sản ngày 24/4/2020 tại Trung tâm).

2. Bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký đấu giá từ ngày 17/4/2020 đến 16 giờ 00 phút ngày 29/4/2020 trực tiếp tại Trung tâm; tiền hồ sơ 500.000đồng/hồ sơ (Năm trăm nghìn đồng).

3. Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo phương thức trả giá lên.

III. Thời gian, địa điểm đấu giá tài sản.

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06/5/2020 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

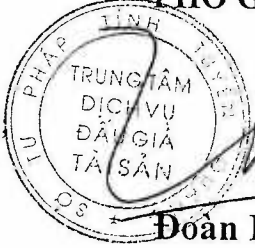
IV. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

Tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự mua và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá trực tiếp tại Trung tâm và nộp đủ tiền đặt trước theo quy định; liên hệ điện thoại **02073.816.375** để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Công ty Thủy điện Tuyên Quang (Biết, niêm yết);
- Báo Tuyên Quang (Quảng cáo trên hai số liên tiếp mỗi số cách nhau 02 ngày làm việc bắt đầu từ ngày 17/4/2020);
- Phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản (Thông tin);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (Thông tin);
- PGDS phụ trách Trung tâm (Báo cáo);
- Niêm yết công khai;
- Lưu: VT, HS (Th).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàn Diệu Thúy

PHỤ LỤC TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ
PHỤ LỤC 1 (Lô số 1) Vật tư ứ đọng, kém phẩm chất không có nhu cầu sử dụng
(Kèm theo Thông báo số 85/TB-TTĐVĐGTS ngày 16/4/2020 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
1	3.04.10.004.000.00.F10	Thiết bị bảo vệ chạm đất cuộn dây LD-3220v110v	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
2	3.10.55.001.000.00.F10	Sứ 0.4 KV	Bộ	2	BT	
3	3.15.35.005.000.00.F10	Khớp nối mềm 565*165	Cái	1	BT	
4	3.15.35.006.000.00.F10	Thanh dẫn mềm 655*120	Cái	3	BT	
5	3.30.10.110.000.00.F10	Ổ cắm 3x380/220V, 63A	Bộ	2	BT	Vật tư không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
6	3.30.10.607.000.00.F10	Ổ cắm New 7-450W, 0704N14 (4 chân)	Cái	3	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
7	3.30.35.011.000.00.F10	Cầu chì 100 mA	Cái	450	Kém CL	Hiện trạng: oxi hóa 2 đầu, không đạt chất lượng (KT: 25mm; 0,1A)
8	3.30.35.012.CHN.00.000	Cầu chì GG500A	Cái	9	BT	Kích thước lắp đặt không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
9	3.30.35.015.000.00.F10	Cầu chì tín hiệu RSZ1-1000V	Cái	1	Kém CL	01 cái loại RZS1-1000V không đạt thông số kỹ thuật.
10	3.34.08.027.VIE.00.000	Công tắc 1 phím 16A	Cái	3	BT	Không có nhu cầu sử dụng
11	3.34.08.028.VIE.00.000	Công tắc 2 phím 16A	Cái	7	BT	Không có nhu cầu sử dụng
12	3.34.15.002.000.00.F10	Giới hạn của tủ	Cái	4	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
13	3.34.20.012.000.00.F10	Công tắc LA 38-11	Cái	1	Kém CL	01 cái kém phẩm chất, không đạt thông số kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
14	3.34.20.304.000.00.F10	Công tắc 2APT, LA39, AC660V, I10A	Cái	3	BT	Thiết bị sử dụng cho MC35kV nhưng lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
15	3.34.40.203.000.00.F10	Công tắc trạng thái (Slector swiche 2 positinon)	Cái	1	Kém CL	01 cái kém chất lượng, khóa điều khiển ZBE-101; Tiếp điểm NO không đạt thông số kỹ thuật
16	3.46.15.038.000.00.F10	áp tô mát S263-C32/6A - 3 pha	Cái	1	Kém CL	01 cái kém chất lượng, không đạt thông số kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
17	3.46.60.022.000.00.F10	Contacto LC1 - D1810 M5N	Cái	1	BT	01 Vật tư LC1 D1810 , U= 24VAC. Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu SD
18	3.46.60.036.000.00.F10	Contacto LC1D1810,32A,24V	Cái	3	BT	03 Vật tư LC1 D1810; Ith: 32A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
19	3.46.60.037.000.00.F10	Contacto LC1-D0910,25A, 24V	Cái	3	BT	03 LC1 D09; Ith: 25A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không cần dùng

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
20	3.46.60.046.000.00.F10	Contacto LC1-D1810,25A,24V	Cái	4	BT	04 LC1 D1810; Ith: 32A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không cần dùng
21	3.46.60.080.000.00.F10	Contacto 3NO/2NC	Cái	1	Kém CL	Vật tư cho mạch cơ khí thủy lực (DCS) CD32; Ith 10A; 220VDC Hiện trạng: Đứt cuộn dây, không sử dụng được, chi phí phục hồi lớn, không hiệu quả
22	3.46.60.323.000.00.F10	Công tắc tơ	Cái	3	BT	03 LC1 D09; Ith: 25A điện áp 24VAC; Điện áp ko phù hợp thiết bị NM, Ko có n/cầu s.dụng
23	3.50.40.000.000.00.F10	Rơ le HH52P - AC220V	Cái	1	Kém CL	01 vật tư kém chất lượng, không đạt thông số kỹ thuật, chi phí phục hồi lớn, không hiệu quả
24	3.50.40.039.000.00.000	Rơ le trung gian HH54P	Cái	3	BT	HH54P điện áp 12VDC, không phù hợp với HT hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng
25	3.50.40.100.000.00.F10	Rơ le trung gian SR - N4 AC 220V	Cái	1	BT	Thực tế tiếp điểm 2NO+2NC, không phù hợp với HT thiết bị của NM, không có nhu cầu sử dụng
26	3.50.46.002.000.00.F10	Rơ le thời gian ST3PE	Cái	3	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
27	3.50.46.010.000.00.F10	Rơ le thời gian RTL30M-15S	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
28	3.50.46.012.000.00.F10	Rơ le thời gian 31A TD24	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
29	3.50.68.004.000.00.F10	Rơ le nhiệt LR2D 1322N	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng: Thực tế dòng điện 17-25A, kiểm tra không đạt yêu cầu
30	3.50.68.005.000.00.F10	Rơ le nhiệt LR D 1316N	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng: Thực tế dòng điện 9-13A, kiểm tra không đạt yêu cầu
31	3.50.68.008.000.00.F10	Rơ le nhiệt 3UA5040 - 1K	Cái	2	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thực tế dòng 8-12,5A ; kiểm tra không đạt yêu cầu
32	3.50.68.013.000.00.F10	Rơ le nhiệt 3UA5040-1H	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: 01 Vật tư kém chất lượng: thí nghiệm không đạt; Thực tế dòng điện 5-8A
33	3.50.68.025.000.00.F10	Rơ le nhiệt độ - Crompton RE95-65 (gồm cả công tắc tơ 3RT1446-1AP60: 01 cái)	Bộ	1	BT	Thực tế không có rơ le nhiệt độ; Contactor 3RT1446-1AP60, không có nhu cầu sử dụng
34	3.50.90.005.000.00.F10	Rơ le trễ RXMB1-1MRK002250	Cái	3	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, kiểm tra 03 cái không đạt (vật tư Hệ thống rơ le NM, TPP)
35	3.50.90.200.000.00.F10	Rơ le RH 4B - U	Bộ	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, Điện áp cuộn dây 24VDC, thông số không đạt yêu cầu, không có nhu cầu sử dụng
36	3.53.12.103.000.00.F10	Biến dòng điện LZB 100/0,1A-10P3	Bộ	1	BT	Hiện trạng: Vật tư cho HT kích từ, thông số không phù hợp (lạc hậu) với thiết bị NM
37	3.53.12.573.000.00.F10	Máy biến dòng CGCT-1 100/5	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
38	3.53.12.583.000.00.F10	Máy biến dòng YSP, LMGZB111-20 6000/5A	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
39	3.56.10.008.000.00.F10	Bộ đổi nguồn S14-5-24	Bộ	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt
40	3.56.10.062.000.00.F10	Bộ chuyển nguồn DC Micom Px40 RXTUG22H	Cái	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
41	3.56.90.076.000.00.000	Bộ chuyển nguồn QC575	Cái	9	BT	nt
42	3.62.90.001.000.00.F10	Đồng hồ hiện thị số SWP-C801	Cái	1	BT	Hiện trạng: Lạc hậu công nghệ, thông số KT không phù hợp với thiết bị NM
43	3.62.92.002.000.00.F10	Hộp chứa ắc quy	Tủ	9	BT	Kích thước lắp đặt ko phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
44	3.82.03.050.000.00.F10	Card có chức năng biến đổi tín hiệu tương tự thành tín hiệu số và điều khiển kênh tương tự, kiểu: EXC900E3, Ký hiệu vận hành: AP4	Cái	1	BT	VTTB thuộc HT kích từ NM nhưng không có kênh C, không phù hợp với công nghệ hệ thống hiện tại, không có nhu cầu sử dụng
45	3.82.03.061.000.00.F10	Bảng mạch điện tử BUS thông số tương tự EXC 900 I-02, 2005-02	Cái	1	BT	Vật tư Hệ thống kích từ NM, thông số KT không phù hợp với hệ thống hiện tại, không có nhu cầu sử dụng.
46	3.82.03.062.000.00.F10	Bảng mạch điện tử vào ra thông minh EXC 900H3, PCB, 2005-08	Cái	1	BT	nt
47	3.82.04.098.000.00.F10	Intelligent board of rectifying cubicle EXC900K03 (lắp đặt cho khối AP27)	Cái	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
48	3.90.82.028.000.00.F10	Bộ sấy	Bộ	5	Kém CL	Kém chất lượng, kiểm tra không Đạt; Thực tế LWK-Z2T8(TH)
49	4.90.80.505.000.00.F10	Tiếp điểm trượt AJH-1	Bộ	6	BT	VTTB lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với thiết bị NM; (Thực tế SEU11 E-Nr.910-159-016)
50	5.19.90.621.000.00.F10	Cuộn dây van điện từ DN32PN1.0Mpa 220VAC	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt; cuộn van không có ký mã hiệu
51	5.19.90.628.000.00.F10	Cuộn dây điện từ ZCS40 1.0Mpa 220VAC	Cái	2	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt; cuộn van không có ký mã hiệu
52	5.28.01.066.000.00.F10	Bảng điều khiển xách tay, đồng bộ với cáp điều khiển và dây kim loại đỡ cáp PLB	Bộ	1	BT	Thực tế PCB-173REV C 0904; Không phù hợp lắp đặt hệ thống UPS trong NM TPP
53	5.30.75.038.000.00.F10	Cảm biến độ đảo TR81	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt (gãy chân đầu) Thực tế loại CWY-DO-810800-50-03-01-01
54	5.30.75.045.000.00.F10	Cảm biến áp lực buồng xoắn kiểu V6GP7S dài làm việc 0-0,95Mpa, thang đo 0-2,1Mpa	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: không đạt thông số KT, sai số lớn (vật tư HT đo lường áp lực buồng xoắn ống xả)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
55	5.34.27.061.000.00.F10	Dụng cụ đo nhiệt độ PT:2*12*60	Cái	1	BT	Lạc hậu công nghệ, Thực tế EPHY-MESS GmbH Pt100; không phù hợp với thiết bị NM
56	5.50.20.019.000.00.F10	Coaxial lightning arrester KT-6BP (bộ thu sét)	Cái	10	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
57	5.50.25.039.000.00.F10	Bô điều khiển và giám sát nhiệt độ XMT-288F	Cái	8	Kém CL	Hiện trạng: 03 loại XMT-288FC kém chất lượng ; 02 cái loại XMT-288FC và 03 cái loại XMZ-202 Pt100 đạt; Công nghệ lạc hậu, không phù hợp, không có nhu cầu sử dụng
58	5.86.90.000.000.00.F10	Hộp ga QH1-500	Cái	1	nt	Hiện trạng: 01 Kém chất lượng (kiểm tra 01 cái đạt, 01 cái không đạt thông số KT)
59	8.70.20.005.000.00.F10	Đồng hồ Voll 6C2-300V	Cái	2	nt	Hiện trạng: 02 cái không đạt thông số KT, kém chất lượng
60	8.71.82.025.000.00.F10	Tỷ trọng kế WIKA. type 233-52-100	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
61	8.75.20.021.000.00.F10	Đồng hồ đo áp lực có chứa dầu dài đo -0,1-0,3Mpa	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, không đạt thông số KT, sai số lớn
62	8.75.50.000.000.00.F10	Đồng hồ chân không ZX-100; 0,1-0Mpa	Cái	2	nt	nt
63	8.75.50.001.000.00.F10	Đồng hồ chân không -0,1-0,9Mpa	Cái	1	nt	Hiện trạng: 01 Kém chất lượng (kiểm tra 01 cái đạt; 01 cái không đạt thông số KT, sai số lớn)
64	8.75.60.010.000.00.F10	Vnet AC electric sining device PF 3150S111	Cái	1	nt	Kém chất lượng (Vật tư Hệ thống DCS, kiểm tra không đạt thông số KT, không hiển thị)
65	8.75.60.036.000.00.F10	Đồng hồ giám sát nhiệt độ A1200	Cái	3	nt	Kém chất lượng (vật tư HT đo lường không điện, kiểm tra không đạt thông số KT)
66	8.75.60.113.000.00.F10	Ampe kế CP72	Chiếc	1	nt	Hiện trạng: Kém chất lượng: kiểm tra không thông số KT, đạt sai số lớn
67	8.75.60.136.000.00.F10	Đồng hồ áp lực 0-1Mpa	Cái	3	nt	nt
68	2.50.02.002.000.00.F10	Cáp tải (kiện 20&21/74) phi 35	Cuộn	1	BT	Cáp không đủ chiều dài để lắp vào cầu, không có nhu cầu sử dụng.
69	2.50.02.008.000.00.F10	Cáp tải (kiện 22/74) phi 27	Cuộn	1	BT	nt
70	5.03.96.020.000.00.F10	Vòng bi 6205E	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.
71	3.10.43.012.CHN.00.000	Sứ đỡ máy biến áp tự ngẫu 220KV COT550-800, 50Hz800A, 126KV Scrinumber:061084	Quả	1	BT	VT dùng cho MBA AT4 cũ 63MVA, hiện NM đã chuyển sử dụng MBA 125MVA, không có nhu cầu sử dụng.
72	3.10.70.014.CHN.00.000	Sứ đỡ máy biến áp tự ngẫu 35KV	Quả	1	BT	nt
73	3.15.48.061.VIE.00.000	Cáp hạ thế YJV 3x240+1x120	Mét	599	Kém CL	Vật tư kém chất lượng (cách điện giảm); không có nhu cầu sử dụng
74	3.15.58.064.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-DJVPVP32 10x2x1,5	Mét	239	nt	nt

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
75	3.15.58.074.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-DJVPVP32 7x3x1,5	Mét	1,000	nt	nt
76	3.15.58.075.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-KVV 52x0,75	Mét	232	nt	nt
77	3.15.58.095.VIE.00.000	Cáp điện KW7x1	Mét	139	nt	nt
78	3.20.22.099.000.00.000	Kẹp dây K35	Cái	210	BT	VT không có nhu cầu sử dụng
79	3.30.35.012.CHN.00.000	Cầu chì GG500A	Cái	3	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
80	3.30.35.099.000.00.000	Cầu chì RN2-15/05	Cái	2	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thông số KT không đạt
81	3.30.80.031.000.00.000	Nắp cầu chì	Bộ	48	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
82	3.34.40.104.000.00.000	Tiếp điểm động	Cái	48	BT	nt
83	3.34.40.163.000.00.000	Tiếp điểm nút bấm 800E-3X10	Độ	2	BT	nt
84	3.50.40.039.000.00.000	Rơ le trung gian HH54P	Cái	10	BT	VTTB điện áp 12VDC không đạt, Không có nhu cầu sử dụng
85	3.53.12.586.000.00.000	Máy biến dòng LAJ-1-15Q	Cái	1	Kém CL	VTTB kém chất lượng, đầu đầu dây lực bị hỏng , không đạt thông số KT
86	3.56.90.073.000.00.000	Modul nguồn SMPS0401	Cái	1	BT	Vật tư cho Hệ thống TTL.L, không phù hợp, không có nhu cầu sử dụng
87	3.56.90.076.000.00.000	Bộ chuyển nguồn QC575	Cái	1	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
88	3.62.95.011.000.00.000	Tủ DYNAMO	Tủ	3	Kém CL	Thiết bị kém chất lượng (đã sử dụng nhiều năm, tủ han rỉ, không đạt yêu cầu bảo quản thiết bị), không có nhu cầu sử dụng
89	3.66.37.136.000.00.000	Chấn lưu ZJD100W	Cái	1	BT	Không có nhu cầu sử dụng
90	3.66.37.137.000.00.000	Chấn lưu ZJD 150W	Cái	1	BT	nt
91	3.80.12.087.VIE.00.000	Dây điện (cáp nguồn) BXR 6mm2 350/500V	Mét	750	BT	Không có nhu cầu sử dụng
92	3.80.12.088.VIE.00.000	Dây điện (cáp nguồn) BXR 4mm2 350/500V	Mét	200	BT	nt
93	3.80.12.094.VIE.00.000	Cáp điện KW22 5x1 450/750V	Mét	243	BT	nt
94	3.70.45.113.VIE.00.000	ống phíp F42x2x60	Cái	12	BT	nt
95	3.80.86.041.000.00.000	Giắc nối cáp đồng trục	Chiếc	5	BT	Không có nhu cầu sử dụng
96	3.80.86.044.VIE.00.000	Giắc chuyển đổi	Cái	60	BT	nt
97	3.82.63.016.000.00.000	Control module - Module điều khiển CU2000H; version V1.2	Cái	1	BT	nt
98	4.90.80.475.000.00.000	Mặt hộp công tắc U205	Chiếc	58	BT	nt
99	5.16.00.012.000.00.G10	ắc quy NPXA1238CH	Cái	4	BT	VTTB kém chất lượng (kiểm tra không đạt thông số KT), không sử dụng được.
100	5.30.75.079.000.00.000	Piber System (bộ biến đổi quang điện) 1MRK001295-EA (21-180)	Bộ	1	BT	VTTB sử dụng cho HT liên lạc, không phù hợp công nghệ hiện tại, không có nhu cầu sử dụng

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
101	5.65.40.017.000.00.000	Động cơ Y132S2- 7,5KW	Cái	1	BT	TB kém chất lượng, không đạt thông số KT, không có nhu cầu sử dụng
102	8.32.52.021.000.00.000	Hộp nối 20 đôi EXD2 BT6	Chiếc	2	BT	Vật tư lạc hậu KT, Không có nhu cầu sử dụng
103	8.32.52.022.000.00.000	Hộp nối 40 đôi	Chiếc	5	BT	nt
104	4.65.05.001.000.00.000	Đai ốc M24	Cái	248	Kém CL	Chất lượng kém, không có nhu cầu sử dụng
105	4.65.05.002.000.00.000	Đai ốc M16	Cái	140	nt	nt
106	4.65.05.003.VIE.00.000	Đai ốc M36	Cái	149	nt	nt
107	4.65.05.009.000.00.000	Đai ốc M42	Chiếc	16	nt	nt
108	4.65.05.010.000.00.000	Đai ốc M27	Cái	250	nt	nt
109	4.67.07.012.VIE.00.000	Đai ốc mạ kẽm M36	Cái	611	nt	nt
110	4.67.07.013.000.00.000	Đai ốc mỏng M36	Cái	256	nt	nt
111	4.67.07.014.000.00.000	Đai ốc mạ kẽm M20	Cái	150	nt	nt
112	4.69.12.129.000.00.000	Vít M10x20	Bộ	326	nt	nt
113	4.82.30.472.000.00.000	Bịt đầu ống MGF80	Mét	12	nt	nt
114	5.19.90.565.000.00.000	Van an toàn DN50 Pn16 Q43H-16C	Cái	1	Kém CL	nt
115	5.19.90.574.000.00.000	Van Karon DN100 PN10/16	Chiếc	6	BT	VTTB có kết cấu không phù hợp với hệ thống của NM, không có nhu cầu sử dụng
116	3.62.84.000.000.00.F10	Shunt (mạch rẽ nhánh) 2000A-75mV	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
117	3.70.85.006.000.00.F10	Nối cách điện hai thanh dẫn	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
118	3.80.88.699.000.00.F10	Hộp đầu nối ống dẫn khí SF6	Bộ	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
119	4.35.06.104.000.00.F10	Bullong M6 + êcu	Bộ	155		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
120	4.49.04.053.000.00.F10	Bu lông neo M16*250	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
121	4.65.05.003.VIE.00.000	Đai ốc M36	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
122	4.65.05.105.000.00.F10	Êcu chữ T với vòng đệm	Bộ	100		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
123	4.65.05.125.000.00.F10	Êcu - nut M36	Cái	16		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
124	4.82.09.000.000.00.F10	Mặt bích 306	Cái	3		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
125	4.88.40.510.000.00.F10	Bạc cao su cho trục bơm 350JCK	Cái	11		Kém CL
126	4.88.65.211.000.00.F10	O-Ring 450*8.6/ gioăng O	Chiếc	1		gioăng bị nứt
127	4.88.90.210.000.00.F10	Phốt 20*40*10	Cái	2		Kém CL
128	5.03.96.015.000.00.F10	Vòng bi cầu trục NJ244M	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
129	2.05.80.002.000.00.000	Thanh sàn cách điện 570x30x20	Cái	200		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
130	3.02.75.010.000.00.000	Dây tiếp địa mềm	Cái	12		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
131	3.06.60.011.000.00.G10	Giá đỡ Camera YK136	Cái	2		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
132	3.15.41.000.VIE.00.000	Dây chống sét YJB 70/3	Mét	110		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
133	3.80.88.117.000.00.000	Mặt loa UNXUVI7	Cái	2		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
134	4.88.90.808.000.00.000	Cao su giảm chấn 155x12	Cái	20		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
135	4.94.60.031.000.00.000	Đĩa Dell optiPlex	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
136	5.30.75.084.000.00.000	Đế rơ le 0786C	Cái	6		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
137	8.32.52.025.000.00.000	Khuôn hàn SCC2-3535	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
138	8.32.52.029.000.00.000	Khuôn hàn SCB4-120504	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
139	8.33.53.002.000.00.000	Mỏ hàn ngâm 100W	Cái	2	0%	Hỏng
140	8.75.60.054.000.00.000	Đồng hồ báo mức về nước/Level swath	Miếng	2		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
141	8.90.90.069.000.00.000	Đế cảm biến B501	Cái	52		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
		Cộng				

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ
Tài sản của Công ty Thủy điện Tuyên Quang
do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức ngày 06/5/2020.

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Nghị định số 62/2017/NĐ-CP, ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 89/HĐ-DVĐGTS ngày 05/8/2019 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản với Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản ban hành Quy chế cuộc đấu giá với những nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc đấu giá tài sản thanh lý của Công ty Thủy điện Tuyên Quang (Số 403, đường Trường Chinh, P. Yên La, TP. Tuyên Quang) do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức thực hiện (Sau đây gọi tắt là Trung tâm). Trình tự, thủ tục đấu giá được thực hiện theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Viên chức, người lao động của Trung tâm tham gia thực hiện cuộc đấu giá là tài sản;

2. Tổ chức, cá nhân mua hồ sơ, nộp phiếu đăng ký tham gia đấu giá;

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong cuộc đấu giá tài sản.

Điều 3. Đối tượng đăng ký tham gia đấu giá.

1. Tổ chức, cá nhân phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự (sau đây gọi tắt là người) tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá và chấp nhận mua tài sản đấu giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

2. Cùng một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; trường hợp có 02 (hai) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; trường hợp Tổng công ty với Công ty thành viên, Công ty mẹ và Công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

Điều 4. Đối tượng không được tham gia đấu giá.

1. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

2. Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

3. Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

4. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 3 Điều này;

5. Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 5. Điều kiện, địa điểm và thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá.

1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày 17/4/2020 đến 16h00 ngày 29/4/2020 tại Trung tâm *(trong giờ hành chính)*.

2. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Người có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 của Quy chế này có quyền đăng ký tham gia đấu giá.

3. Cách thức đăng ký: Người đăng ký tham gia đấu giá ghi đầy đủ, chính xác thông tin vào *Phiếu đăng ký tham gia đấu giá* do Trung tâm phát hành, nộp tiền đặt trước và các giấy tờ sau:

+ **Đối với tổ chức:**

Giấy phép đăng ký kinh doanh (bản phô tô).

CMND của người đại diện đăng ký tham gia đấu giá (bản phô tô).

+ **Đối với cá nhân:** CMND của người đăng ký tham gia đấu giá (bản phô tô).

+ **Nếu thuộc trường hợp ủy quyền thì nộp thêm:**

- Giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật (bản chính).

- CMND của người được ủy quyền (bản phô tô).

Chú ý: Các trường hợp bản phô tô phải mang bản chính đến để Trung tâm đối chiếu khi làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá.

4. Điều kiện tham gia trả giá tại cuộc đấu giá tài sản: Người đủ điều kiện tham gia trả giá mua tài sản là người mua hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nộp đủ tiền đặt trước quy định tại Điều 6 của Quy chế này *(Trừ trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy chế này)*.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm của tài sản, tiền đặt trước, tiền hồ sơ, bước giá.

1. Tài sản đấu giá: (Lô số 1) Vật tư dự phòng, vật tư thừa sau lắp đặt dự án Thủy điện Tuyên Quang (Có biểu Phụ lục 1 chi tiết đính kèm).

2. Giá khởi điểm: 1.090.800.000đồng (Một tỷ không trăm chín mươi triệu tám trăm nghìn đồng) **bước giá:** 5.000.000đồng/bước.

(Giá khởi điểm đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, mọi chi phí liên quan đến việc bốc dỡ, vận chuyển do người mua được tài sản đấu giá chịu).

3. Tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000đồng/hồ sơ, khoản tiền này không hoàn trả cho người đăng ký tham gia đấu giá trừ trường hợp không tổ chức đấu giá quy định tại khoản 2, Điều 12 của Quy chế này;

4. Tiền đặt trước: 140.000.000đồng/hồ sơ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) nộp vào tài khoản số 8106.2010.02558 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản mở tại Ngân hàng NNo&PTNT chi nhánh thành phố Tuyên Quang từ ngày 29/4/2020 đến ngày 05/5/2020 (Tiền đặt trước nộp đủ và được tính là có khi tiền báo trên tài khoản của Trung tâm trước 16 giờ 00 phút ngày 05/5/2020).

Chi trả tiền đặt trước:

- Đối với người không trúng đấu giá, không vi phạm Quy chế đấu giá: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Trung tâm chi trả khoản tiền đặt trước cho người không trúng đấu giá theo quy định.

- Đối với người trúng đấu giá: Tiền đặt trước được dùng để trừ vào giá trúng đấu giá mua tài sản.

5. Bước giá: 5.000.000đồng/bước (Năm triệu đồng), bước giá là mức giá chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề

Điều 7. Thời gian, địa điểm xem tài sản, thời gian, địa điểm đấu giá tài sản:

1. Thời gian địa điểm xem tài sản: Xem tài sản và giấy tờ về tài sản từ ngày ngày 27/4/2020 đến ngày 28/4/2020 (trong giờ hành chính) tại nơi có tài sản Kho vật tư của Công ty Thủy điện Na Hang, tổ 2, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Đăng ký xem tài sản ngày 24/4/2020 tại Trung tâm).

2. Thời gian, địa điểm đấu giá tài sản: Hời 08 giờ 00 phút, ngày 06/5/2020 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

Điều 8. Hình thức, phương thức đấu giá.

1. Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá; số vòng trả giá: Nhiều vòng trả giá cho đến khi chọn ra người trúng đấu giá.

2. Phương thức đấu giá: Theo phương thức trả giá lên, theo đó người tham gia đấu giá trả giá từ thấp lên cao cho đến khi xác định được người trả giá cao nhất so với giá khởi điểm.

Điều 9. Nguyên tắc, cách thức trả giá.

1. Nguyên tắc: Việc đấu giá được thực hiện trên nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực, bình đẳng, liên tục bằng bỏ phiếu trực tiếp nhiều vòng đến khi không còn khách hàng tham gia trả giá; khách hàng không tham gia trả giá ở vòng trước vẫn có quyền trả giá ở các vòng tiếp theo tuy nhiên phải trả giá ở vòng đầu tiên.

2. Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá (*do Trung tâm phát hành*) ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Vòng thứ nhất người tham gia trả giá, trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm (*không được thấp hơn mức giá khởi điểm*) của vòng đấu giá hoặc giá khởi điểm cộng ít nhất một bước giá trở lên, từ vòng thứ hai trở đi giá trả tối thiểu bằng giá cao nhất của vòng đấu trước liên kế cộng ít nhất một bước giá trở lên. Thời gian tối đa của mỗi vòng trả giá không quá 03 (ba) phút kể từ khi người tham gia đấu giá nhận được phiếu trả giá cho đến khi không còn người bỏ phiếu trả giá. Giá khởi điểm của vòng tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu trước liên kế.

3. Phiếu trả giá hợp lệ là phiếu ghi đầy đủ các thông tin trên phiếu trả giá, không tẩy xóa, phân giá trả phải ghi đầy đủ cả chữ và số, giá trả theo phương thức trả giá lên đảm bảo cách thức trả giá quy định tại khoản 2 Điều này; phiếu không hợp lệ không được tính vào giá trả của vòng đấu giá và Đấu giá viên có trách nhiệm thông báo phiếu không hợp lệ và coi như vòng đó phiếu không hợp lệ không tham gia trả giá nhưng được tham gia trả giá ở các vòng tiếp theo.

4. Đấu giá viên công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá. Cuộc đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá ở vòng tiếp theo. Đấu giá viên công bố người cuối cùng trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá.

5. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

Điều 10. Về rút lại đăng ký đấu giá

Trong thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo thông báo đấu giá, người đã đăng ký tham gia đấu giá có quyền rút lại việc đăng ký tham gia đấu giá và được hoàn trả khoản tiền đặt trước và tiền hồ sơ. Sau khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá thì người đã đăng ký tham gia đấu giá không được giải quyết rút lại đăng ký đấu giá.

Điều 11. Về ủy quyền tham gia đấu giá

Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp hồ sơ, đăng ký đấu giá nhưng không trực tiếp tham gia đấu giá, nếu ủy quyền cho người khác thay mình tham gia cuộc

đấu giá thì việc ủy quyền phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về ủy quyền (Công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật).

Điều 12. Những trường hợp đấu giá không thành.

1. Những trường hợp đấu giá không thành.

1.1. Hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá, chỉ có 01 (một) người đăng ký tham gia đấu giá, trường hợp này không tổ chức cuộc đấu giá.

1.2. Tại cuộc đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

1.3. Giá trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm của vòng đấu;

1.4. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá;

1.5. Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận mà không có người trả giá tiếp;

1.6. Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá.

2. Không tổ chức đấu giá. Trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, nếu:

2.1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu dừng hoặc đình chỉ việc tổ chức đấu giá.

Theo đề nghị của đơn vị có tài sản đấu giá nếu phát hiện tổ chức đấu giá có hành vi: Thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, đim giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; Cản trở, gây khó khăn cho người tham gia đấu giá trong việc đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

Trường hợp này tổ chức cuộc đấu giá, Trung tâm sẽ hoàn trả lại tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá và tiền hồ sơ tham gia đấu giá.

2.2. Theo đề nghị đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản của đơn vị có tài sản đấu giá. Trường hợp này nếu phát sinh bồi thường thiệt hại cho khách hàng đã đăng ký tham gia đấu giá thì bên có tài sản có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho người đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản.

Điều 13. Các thành phần tham gia tổ chức đấu giá

1. Đấu giá viên của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản được phân công điều hành cuộc đấu giá.

2. Bộ phận giúp việc: Viên chức, người lao động của Trung tâm được phân công giúp việc Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

3. Người chứng kiến: Khách mời, đại diện cơ quan nhà nước có liên quan, đại diện Tổ chức ký hợp đồng đấu giá tài sản; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

Điều 14. Xử lý các tình huống cuộc đấu giá

1. Trường hợp khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó nếu người

có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành.

2. Rút lại giá đã trả: Tại cuộc đấu giá nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề. Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

Trong trường hợp có người rút lại giá đã trả mà có từ hai người trở lên trả giá liền kề bằng nhau thì Đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người trả giá liền kề bằng nhau để chọn ra người trúng đấu giá. Đấu giá viên quyết định hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp. Đấu giá viên công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý trả giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người mua được tài sản đấu giá.

3. Từ chối kết quả trúng đấu giá: Sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc những người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

Điều 15. Thảm quyền của Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá

1. Điều hành cuộc đấu giá theo trình tự, thủ tục của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Tạm ngưng hoặc dừng cuộc đấu giá để nhắc nhở, lập biên bản xử lý vi phạm quy chế cuộc đấu giá và thông báo cho Trung tâm trong các trường hợp sau:

2.1. Người tham gia đấu giá gây mất trật tự hoặc sử dụng điện thoại di động để trao đổi nhằm mục đích phá rối cuộc đấu giá;

2.2. Khi phát hiện có hành vi thông đồng, dìm giá hoặc gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá, có hành vi cấu kết để loại trừ người tham gia đấu giá khác hoặc thỏa thuận dìm giá.

3. Truất quyền tham dự cuộc đấu giá của người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Quy chế này;

4. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia đấu giá trong cuộc đấu giá

1. Khách hàng đăng ký đủ điều kiện tham gia đấu giá (*Sau đây gọi tắt là người tham gia đấu giá*) có mặt đúng thời gian và địa điểm theo quy định; tuân thủ Quy chế đấu giá và sự điều hành của Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

2. Người không có tên trong danh sách người tham gia đấu giá không được vào phòng tổ chức đấu giá tài sản (*sau đây gọi là phòng đấu giá*); khi vào phòng đấu giá

người tham gia đấu giá xuất trình sổ thẻ đấu giá do Trung tâm phát hành và chứng minh nhân dân.

3. Người tham gia đấu giá ngồi đúng vị trí được hướng dẫn, không đi lại trong phòng đấu giá; không được tự ý rời khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

4. Người tham gia đấu giá không được dùng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông khác trong phòng đấu giá; không hút thuốc, giữ trật tự, không trao đổi bàn bạc, không nói chuyện trong phòng đấu giá.

5. Sau khi cuộc đấu giá khai mạc và đã có người trả giá, những người tham gia đấu giá đến muộn không được vào phòng đấu giá.

6. Mọi ý kiến khiếu nại, thắc mắc phải được trình bày trước khi tiến hành đấu giá để được xem xét, giải quyết. Trung tâm không giải quyết đối với các thắc mắc, khiếu kiện được trình bày khi cuộc đấu giá đang tiến hành.

7. Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở cuộc đấu giá tài sản hoặc liên kết, thông đồng dìm giá thì bị truất quyền tham gia trả giá và không được hoàn trả lại khoản tiền đặt trước.

8. Người tham gia đấu giá, khách mời không được tham gia quay phim, chụp hình trong phòng đấu giá.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

1. Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

1.1. Yêu cầu người có tài sản đấu giá ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật;

1.2. Được nhận tài sản trúng đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản trúng đấu giá theo quy định của pháp luật;

1.3. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đấu giá đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật (nếu có);

1.4. Các quyền khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

2. Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

2.1. Ký biên bản đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

2.2. Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá cho người có tài sản đấu giá theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan;

2.3. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thời hạn thanh toán và nghĩa vụ tài chính, bàn giao tài sản.

1. Thời hạn và phương thức thanh toán tiền trúng đấu giá: Theo Hợp đồng mua bán tài sản; nếu người mua không nộp đủ tiền mua tài sản hoặc tự nguyện xin không mua tài sản thì coi như từ chối mua tài sản và giao dịch mua bán tài sản vô hiệu, số tiền đặt trước chuyển thành tiền đặt cọc thuộc về người có tài sản.

2. Thời hạn bàn giao tài sản: Sau khi người trúng đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản thì người có tài sản đấu giá có trách nhiệm bàn giao tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản theo quy định cho người mua được tài sản và chịu trách nhiệm giải quyết các phát sinh liên quan đến việc bàn giao tài sản (nếu có).

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý đối với vi phạm của người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá

1. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá:

1.1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

1.2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

1.3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;

1.4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

1.5. Rút lại giá đã trả, giá đã chấp nhận.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Ngoài ra, người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này và Luật Đấu giá thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

2.1. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

2.2. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 17 của Quy chế này;

2.3. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định;

2.4. Từ chối kết quả trúng đấu giá.

Khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vi phạm thuộc về người có tài sản đấu giá

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với người thực hiện tổ chức đấu giá

Viên chức, người lao động của Trung tâm, khi tham gia thực hiện đấu giá tài sản mà không hoàn thành trách nhiệm được giao, làm lộ bí mật thông tin về việc đăng ký của người tham gia đấu giá hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái các quy định về đấu giá gây thiệt hại cho Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan, thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật lao động, xử lý vi phạm hành chính, hoặc bị truy-cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế này được áp dụng trong phạm vi cuộc đấu giá tài sản thanh lý của Công ty Thủy điện Tuyên Quang do Trung tâm tổ chức ngày 06/5/2020.

2. Viên chức, người lao động của Trung tâm; người tham gia đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Công ty Thủy điện Tuyên Quang (Biết, niêm yết);
- Niêm yết công khai;
- Lưu: HS, VT (Th).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàn Diệu Thúy



PHỤ LỤC TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ

PHỤ LỤC 1 (Lô số 1) Vật tư ử dụng, kém phẩm chất không có nhu cầu sử dụng
(Kèm theo Quy chế số 84/QC-TTĐVĐGTS ngày 16/4/2020 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
1	3.04.10.004.000.00.F10	Thiết bị bảo vệ chạm đất cuộn dây LD-3220v110v	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
2	3.10.55.001.000.00.F10	Sứ 0.4 KV	Bộ	2	BT	
3	3.15.35.005.000.00.F10	Khớp nối mềm 565*165	Cái	1	BT	
4	3.15.35.006.000.00.F10	Thanh dẫn mềm 655*120	Cái	3	BT	
5	3.30.10.110.000.00.F10	ổ cắm 3x380/220V, 63A	Bộ	2	BT	Vật tư không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
6	3.30.10.607.000.00.F10	ổ cắm New 7-450W, 0704N14 (4 chân)	Cái	3	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
7	3.30.35.011.000.00.F10	Cầu chì 100 mA	Cái	450	Kém CL	Hiện trạng: oxi hóa 2 đầu, không đạt chất lượng (KT: 25mmmm; 0,1A)
8	3.30.35.012.CHN.00.000	Cầu chì GG500A	Cái	9	BT	Kích thước lắp đặt không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
9	3.30.35.015.000.00.F10	Cầu chì tín hiệu RSZ1-1000V	Cái	1	Kém CL	01 cái loại RZS1-1000V không đạt thông số kỹ thuật.
10	3.34.08.027.VIE.00.000	Công tắc 1 phím 16A	Cái	3	BT	Không có nhu cầu sử dụng
11	3.34.08.028.VIE.00.000	Công tắc 2 phím 16A	Cái	7	BT	Không có nhu cầu sử dụng
12	3.34.15.002.000.00.F10	Giới hạn của tủ	Cái	4	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
13	3.34.20.012.000.00.F10	Công tắc LA 38-11	Cái	1	Kém CL	01 cái kém phẩm chất, không đạt thông số kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
14	3.34.20.304.000.00.F10	Công tắc 2APT, LA39, AC660V, I10A	Cái	3	BT	Thiết bị sử dụng cho MC35kV nhưng lạc hậu kỹ thuật, không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
15	3.34.40.203.000.00.F10	Công tắc trạng thái (Slector swiche 2 positinon)	Cái	1	Kém CL	01 cái kém chất lượng, khóa điều khiển ZBE-101; Tiếp điểm NO không đạt thông số kỹ thuật
16	3.46.15.038.000.00.F10	áp tô mát S263-C32/6A - 3 pha	Cái	1	Kém CL	01 cái kém chất lượng, không đạt thông số kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng
17	3.46.60.022.000.00.F10	Contacto LC1 - D1810 M5N	Cái	1	BT	01 Vật tư LC1 D1810 , U= 24VAC. Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu SD
18	3.46.60.036.000.00.F10	Contacto LC1D1810,32A,24V	Cái	3	BT	03 Vật tư LC1 D1810; Ith: 32A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
19	3.46.60.037.000.00.F10	Contacto LC1-D0910,25A, 24V	Cái	3	BT	03 LC1 D09; Ith: 25A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không cần dùng

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
20	3.46.60.046.000.00.F10	Contacto LC1-D1810,25A,24V	Cái	4	BT	04 LC1 D1810; Ith: 32A điện áp 24VAC; Điện áp không phù hợp thiết bị NM, không cần dùng
21	3.46.60.080.000.00.F10	Contacto 3NO/2NC	Cái	1	Kém CL	Vật tư cho mạch cơ khí thủy lực (DCS) CD32; Ith 10A; 220VDC Hiện trạng: Đứt cuộn dây, không sử dụng được, chi phí phục hồi lớn, không hiệu quả
22	3.46.60.323.000.00.F10	Công tắc tơ	Cái	3	BT	03 LC1 D09; Ith: 25A điện áp 24VAC; Điện áp ko phù hợp thiết bị NM, Ko có n/cầu s.dụng
23	3.50.40.000.000.00.F10	Rơ le HH52P - AC220V	Cái	1	Kém CL	01 vật tư kém chất lượng, không đạt thông số kỹ thuật, chi phí phục hồi lớn, không hiệu quả
24	3.50.40.039.000.00.000	Rơ le trung gian HH54P	Cái	3	BT	HH54P điện áp 12VDC, không phù hợp với HT hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng
25	3.50.40.100.000.00.F10	Rơ le trung gian SR - N4 AC 220V	Cái	1	BT	Thực tế tiếp điểm 2NO+2NC, không phù hợp với HT thiết bị của NM, không có nhu cầu sử dụng
26	3.50.46.002.000.00.F10	Rơ le thời gian ST3PE	Cái	3	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
27	3.50.46.010.000.00.F10	Rơ le thời gian RTL30M-15S	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
28	3.50.46.012.000.00.F10	Rơ le thời gian 31ATD24	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thí nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật
29	3.50.68.004.000.00.F10	Rơ le nhiệt LR2D 1322N	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng: Thực tế dòng điện 17-25A, kiểm tra không đạt yêu cầu
30	3.50.68.005.000.00.F10	Rơ le nhiệt LR D 1316N	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng: Thực tế dòng điện 9-13A, kiểm tra không đạt yêu cầu
31	3.50.68.008.000.00.F10	Role nhiệt 3UA5040 - 1K	Cái	2	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thực tế dòng 8-12,5A ; kiểm tra không đạt yêu cầu
32	3.50.68.013.000.00.F10	Role nhiệt 3UA5040-1H	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: 01 Vật tư kém chất lượng: thí nghiệm không đạt; Thực tế dòng điện 5-8A
33	3.50.68.025.000.00.F10	Rơ le nhiệt độ - Crompton RE95-65 (gồm cả công tắc tơ 3RT1446-1AP60: 01 cái)	Bộ	1	BT	Thực tế không có rơ le nhiệt độ; Contactor 3RT1446-1AP60, không có nhu cầu sử dụng
34	3.50.90.005.000.00.F10	Rơ le trễ RXMB1-1MRK002250	Cái	3	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, kiểm tra 03 cái không đạt (vật tư Hệ thống rơ le NM, TPP)
35	3.50.90.200.000.00.F10	Rơ le RH 4B - U	Bộ	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, Điện áp cuộn dây 24VDC, thông số không đạt yêu cầu, không có nhu cầu sử dụng
36	3.53.12.103.000.00.F10	Biến dòng điện LZB 100/0,1A-10P3	Bộ	1	BT	Hiện trạng: Vật tư cho HT kích từ, thông số không phù hợp (lạc hậu) với thiết bị NM
37	3.53.12.573.000.00.F10	Máy biến dòng CGCT-1 100/5	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
38	3.53.12.583.000.00.F10	Máy biến dòng YSP, LMGZB111-20 6000/5A	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
39	3.56.10.008.000.00.F10	Bộ đổi nguồn S14-5-24	Bộ	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt
40	3.56.10.062.000.00.F10	Bộ chuyển nguồn DC Micom Px40 RXTUG22H	Cái	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
41	3.56.90.076.000.00.000	Bộ chuyển nguồn QC575	Cái	9	BT	nt
42	3.62.90.001.000.00.F10	Đồng hồ hiển thị số SWP-C801	Cái	1	BT	Hiện trạng: Lạc hậu công nghệ, thông số KT không phù hợp với thiết bị NM
43	3.62.92.002.000.00.F10	Hộp chứa ác quy	Tủ	9	DT	Kích thước lắp đặt ko phù hợp thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
44	3.82.03.050.000.00.F10	Card có chức năng biến đổi tín hiệu tương tự thành tín hiệu số và điều khiển kênh tương tự, kiểu: EXC900E3, Ký hiệu vận hành: AP4	Cái	1	BT	VTTB thuộc HT kích từ NM nhưng không có kênh C, không phù hợp với công nghệ hệ thống hiện tại, không có nhu cầu sử dụng
45	3.82.03.061.000.00.F10	Bảng mạch điện tử BUS thông số tương tự EXC 900 I-02, 2005-02	Cái	1	BT	Vật tư Hệ thống kích từ NM, thông số KT không phù hợp với hệ thống hiện tại, không có nhu cầu sử dụng.
46	3.82.03.062.000.00.F10	Bảng mạch điện tử vào ra thông minh EXC 900H3, PCB, 2005-08	Cái	1	BT	nt
47	3.82.04.098.000.00.F10	Intelligent board of rectifying cubile EXC900K03 (lắp đặt cho khối AP27)	Cái	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
48	3.90.82.028.000.00.F10	Bộ sấy	Bộ	5	Kém CL	Kém chất lượng, kiểm tra không Đạt; Thực tế LWK-Z2T8(TH)
49	4.90.80.505.000.00.F10	Tiếp điểm trượt AJH-1	Bộ	6	BT	VTTB lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với thiết bị NM; (Thực tế SEU11 E-Nr.910-159-016)
50	5.19.90.621.000.00.F10	Cuộn dây van điện từ DN32PN1.0Mpa 220VAC	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt; cuộn van không có ký mã hiệu
51	5.19.90.628.000.00.F10	Cuộn dây điện từ ZCS40 1.0Mpa 220VAC	Cái	2	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt; cuộn van không có ký mã hiệu
52	5.28.01.066.000.00.F10	Bảng điều khiển xách tay, đồng bộ với cáp điều khiển và dây kim loại đỡ cáp PLB	Bộ	1	BT	Thực tế PCB-173REV C 0904; Không phù hợp lắp đặt hệ thống UPS trong NM TPP
53	5.30.75.038.000.00.F10	Cảm biến độ đào TR81	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, thông số KT không đạt (gãy chân đầu) Thực tế loại CWY-DO-810800-50-03-01-01
54	5.30.75.045.000.00.F10	Cảm biến áp lực buồng xoắn kiểu V6GP7S dài làm việc 0-0,95Mpa, thang đo 0-2,1Mpa	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: không đạt thông số KT, sai số lớn (vật tư HT đo lường áp lực buồng xoắn ống xả)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
55	5.34.27.061.000.00.F10	Dụng cụ đo nhiệt độ PT:2*12*60	Cái	1	BT	Lạc hậu công nghệ, Thực tế EPHY-MESS GmbH Pt100; không phù hợp với thiết bị NM
56	5.50.20.019.000.00.F10	Coaxial lightning arrester KT-6BP (bộ thu sét)	Cái	10	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
57	5.50.25.039.000.00.F10	Bô điều khiển và giám sát nhiệt độ XMT-288F	Cái	8	Kém CL	Hiện trạng: 03 loại XMT-288FC kém chất lượng ; 02 cái loại XMT-288FC và 03 cái loại XMZ-202 Pt100 đạt; Công nghệ lạc hậu, không phù hợp, không có nhu cầu sử dụng
58	5.86.90.000.000.00.F10	Hộp ga QH1-500	Cái	1	nt	Hiện trạng: 01 Kém chất lượng (kiểm tra 01 cái đạt, 01 cái không đạt thông số KT)
59	8.70.20.005.000.00.F10	Đồng hồ Voll 6C2-300V	Cái	2	nt	Hiện trạng: 02 cái không đạt thông số KT, kém chất lượng
60	8.71.82.025.000.00.F10	Tỷ trọng kế WIKA. type 233-52-100	Bộ	1	BT	Thiết bị lạc hậu kỹ thuật, thông số KT không phù hợp với công nghệ hiện tại của NM, không có nhu cầu sử dụng.
61	8.75.20.021.000.00.F10	Đồng hồ đo áp lực có chứa dầu dài đo -0,1-0,3Mpa	Cái	1	Kém CL	Hiện trạng: Kém chất lượng, không đạt thông số KT, sai số lớn
62	8.75.50.000.000.00.F10	Đồng hồ chân không ZX-100; 0,1-0Mpa	Cái	2	nt	nt
63	8.75.50.001.000.00.F10	Đồng hồ chân không -0,1-0,9Mpa	Cái	1	nt	Hiện trạng: 01 Kém chất lượng (kiểm tra 01 cái đạt; 01 cái không đạt thông số KT, sai số lớn)
64	8.75.60.010.000.00.F10	Vnet AC electric sining device PF 3150S111	Cái	1	nt	Kém chất lượng (Vật tư Hệ thống DCS, kiểm tra không đạt thông số KT, không hiển thị)
65	8.75.60.036.000.00.F10	Đồng hồ giám sát nhiệt độ A1200	Cái	3	nt	Kém chất lượng (vật tư HT đo lường không điện, kiểm tra không đạt thông số KT)
66	8.75.60.113.000.00.F10	Ampe kế CP72	Chiếc	1	nt	Hiện trạng: Kém chất lượng: kiểm tra không thông số KT, đạt sai số lớn
67	8.75.60.136.000.00.F10	Đồng hồ áp lực 0-1Mpa	Cái	3	nt	nt
68	2.50.02.002.000.00.F10	Cáp tải (kiện 20&21/74) phi 35	Cuộn	1	BT	Cáp không đủ chiều dài để lắp vào cầu, không có nhu cầu sử dụng.
69	2.50.02.008.000.00.F10	Cáp tải (kiện 22/74) phi 27	Cuộn	1	BT	nt
70	5.03.96.020.000.00.F10	Vòng bi 6205E	Cái	1	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.
71	3.10.43.012.CHN.00.000	Sứ đỡ máy biến áp tự ngẫu 220KV COT550-800, 50Hz800A, 126KV Scriumber:061084	Quả	1	BT	VT dùng cho MBA AT4 cũ 63MVA, hiện NM đã chuyển sử dụng MBA 125MVA, không có nhu cầu sử dụng.
72	3.10.70.014.CHN.00.000	Sứ đỡ máy biến áp tự ngẫu 35KV	Quả	1	BT	nt
73	3.15.48.061.VIE.00.000	Cáp hạ thế YJV 3x240+1x120	Mét	599	Kém CL	Vật tư kém chất lượng (cách điện giảm); không có nhu cầu sử dụng
74	3.15.58.064.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-DJVPVP32 10x2x1,5	Mét	239	nt	nt

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
75	3.15.58.074.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-DJVPVP32 7x3x1,5	Mét	1,000	nt	nt
76	3.15.58.075.VIE.00.000	Cáp hạ thế ZR-KVV 52x0,75	Mét	232	nt	nt
77	3.15.58.095.VIE.00.000	Cáp điện KW7x1	Mét	139	nt	nt
78	3.20.22.099.000.00.000	Kẹp dây K35	Cái	210	BT	VT không có nhu cầu sử dụng
79	3.30.35.012.CHN.00.000	Cầu chì GG500A	Cái	3	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
80	3.30.35.099.000.00.000	Cầu chì RN2-15/05	Cái	2	Kém CL	Vật tư kém chất lượng, thông số KT không đạt
81	3.30.80.031.000.00.000	Nắp cầu chì	Bộ	48	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
82	3.34.40.104.000.00.000	Tiếp điểm động	Cái	48	BT	nt
83	3.34.40.163.000.00.000	Tiếp điểm nút bấm 800E-3X10	Bộ	2	BT	nt
84	3.50.40.039.000.00.000	Rơ le trung gian HH54P	Cái	10	BT	VTTB điện áp 12VDC không đạt, Không có nhu cầu sử dụng
85	3.53.12.586.000.00.000	Máy biến dòng LAJ-1-15Q	Cái	1	Kém CL	VTTB kém chất lượng, đầu đầu dây lực bị hỏng, không đạt thông số KT
86	3.56.90.073.000.00.000	Modul nguồn SMPS0401	Cái	1	BT	Vật tư cho Hệ thống TTLL, không phù hợp, không có nhu cầu sử dụng
87	3.56.90.076.000.00.000	Bộ chuyển nguồn QC575	Cái	1	BT	VT lạc hậu công nghệ, không phù hợp với thiết bị NM, không có nhu cầu sử dụng
88	3.62.95.011.000.00.000	Tù DYNAMO	Tù	3	Kém CL	Thiết bị kém chất lượng (đã sử dụng nhiều năm, tù han rỉ, không đạt yêu cầu bảo quản thiết bị), không có nhu cầu sử dụng
89	3.66.37.136.000.00.000	Chấn lưu ZJD100W	Cái	1	BT	Không có nhu cầu sử dụng
90	3.66.37.137.000.00.000	Chấn lưu ZJD 150W	Cái	1	BT	nt
91	3.80.12.087.VIE.00.000	Dây điện (cáp nguồn) BXR 6mm2 350/500V	Mét	750	BT	Không có nhu cầu sử dụng
92	3.80.12.088.VIE.00.000	Dây điện (cáp nguồn) BXR 4mm2 350/500V	Mét	200	BT	nt
93	3.80.12.094.VIE.00.000	Cáp điện KW22 5x1 450/750V	Mét	243	BT	nt
94	3.70.45.113.VIE.00.000	ống phíp F42x2x60	Cái	12	BT	nt
95	3.80.86.041.000.00.000	Giắc nối cáp đồng trục	Chiếc	5	BT	Không có nhu cầu sử dụng
96	3.80.86.044.VIE.00.000	Giắc chuyển đổi	Cái	60	BT	nt
97	3.82.63.016.000.00.000	Control module - Module điều khiển CU2000H; version V1.2	Cái	1	BT	nt
98	4.90.80.475.000.00.000	Mặt hộp công tắc U205	Chiếc	58	BT	nt
99	5.16.00.012.000.00.G10	ắc quy NPXA1238CH	Cái	4	BT	VTTB kém chất lượng (kiểm tra không đạt thông số KT), không sử dụng được.
100	5.30.75.079.000.00.000	Piber System (bộ biến đổi quang điện) 1MRK001295-EA (21-180)	Bộ	1	BT	VTTB sử dụng cho HT liên lạc, không phù hợp công nghệ hiện tại, không có nhu cầu sử dụng

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
101	5.65.40.017.000.00.000	Động cơ Y132S2- 7,5KW	Cái	1	BT	TB kém chất lượng, không đạt thông số KT, không có nhu cầu sử dụng
102	8.32.52.021.000.00.000	Hộp nối 20 đôi EXD2 BT6	Chiếc	2	BT	Vật tư lạc hậu KT, Không có nhu cầu sử dụng
103	8.32.52.022.000.00.000	Hộp nối 40 đôi	Chiếc	5	BT	nt
104	4.65.05.001.000.00.000	Đai ốc M24	Cái	248	Kém CL	Chất lượng kém, không có nhu cầu sử dụng
105	4.65.05.002.000.00.000	Đai ốc M16	Cái	140	nt	nt
106	4.65.05.003.VIE.00.000	Đai ốc M36	Cái	149	nt	nt
107	4.65.05.009.000.00.000	Đai ốc M42	Chiếc	16	nt	nt
108	4.65.05.010.000.00.000	Đai ốc M27	Cái	250	nt	nt
109	4.67.07.012.VIE.00.000	Đai ốc mạ kẽm M36	Cái	611	nt	nt
110	4.67.07.013.000.00.000	Đai ốc mỏng M36	Cái	256	nt	nt
111	4.67.07.014.000.00.000	Đai ốc mạ kẽm M20	Cái	150	nt	nt
112	4.69.12.129.000.00.000	Vít M10x20	Bộ	326	nt	nt
113	4.82.30.472.000.00.000	Bịt đầu ống MGF80	Mét	12	nt	nt
114	5.19.90.565.000.00.000	Van an toàn DN50 Pn16 Q43H-16C	Cái	1	Kém CL	nt
115	5.19.90.574.000.00.000	Van Karon DN100 PN10/16	Chiếc	6	BT	VTTB có kết cấu không phù hợp với hệ thống của NM, không có nhu cầu sử dụng
116	3.62.84.000.000.00.F10	Shunt (mạch rẽ nhánh) 2000A-75mV	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
117	3.70.85.006.000.00.F10	Nối cách điện hai thanh dẫn	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
118	3.80.88.699.000.00.F10	Hộp đấu nối ống dẫn khí SF6	Bộ	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
119	4.35.06.104.000.00.F10	Bullong M6 + êcu	Bộ	155		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
120	4.49.04.053.000.00.F10	Bu lông neo M16*250	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
121	4.65.05.003.VIE.00.000	Đai ốc M36	Cái	4		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
122	4.65.05.105.000.00.F10	Êcu chữ T với vòng đệm	Bộ	100		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
123	4.65.05.125.000.00.F10	Êcu - nut M36	Cái	16		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
124	4.82.09.000.000.00.F10	Mặt bích 306	Cái	3		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
125	4.88.40.510.000.00.F10	Bạc cao su cho trục bơm 350JCK	Cái	11		Kém CL
126	4.88.65.211.000.00.F10	O-Ring 450*8.6/ gioăng O	Chiếc	1		gioăng bị nứt
127	4.88.90.210.000.00.F10	Phốt 20*40*10	Cái	2		Kém CL
128	5.03.96.015.000.00.F10	Vòng bi cầu trục NJ244M	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
129	2.05.80.002.000.00.000	Thanh sàn cách điện 570x30x20	Cái	200		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
130	3.02.75.010.000.00.000	Dây tiếp địa mềm	Cái	12		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
131	3.06.60.011.000.00.G10	Giá đỡ Camera YK136	Cái	2		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
132	3.15.41.000.VIE.00.000	Dây chống sét YJB 70/3	Mét	110		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
133	3.80.88.117.000.00.000	Mặt loa UNXUVI7	Cái	2		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
134	4.88.90.808.000.00.000	Cao su giảm chấn 155x12	Cái	20		Ứ đọng, không có nhu cầu SD
135	4.94.60.031.000.00.000	Đĩa Dell optiPlex	Cái	1		Ứ đọng, không có nhu cầu SD

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng thanh lý	Chất lượng còn lại	Tình trạng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng
136	5.30.75.084.000.00.000	Đề rơ le 0786C	Cái	6		Ử động, không có nhu cầu SD
137	8.32.52.025.000.00.000	Khuôn hàn SCC2-3535	Cái	1		Ử động, không có nhu cầu SD
138	8.32.52.029.000.00.000	Khuôn hàn SCB4-120504	Cái	1		Ử động, không có nhu cầu SD
139	8.33.53.002.000.00.000	Mô hàn ngâm 100W	Cái	2	0%	Hỏng
140	8.75.60.054.000.00.000	Đồng hồ báo mức về nước/Level swath	Miếng	2		Ử động, không có nhu cầu SD
141	8.90.90.069.000.00.000	Đề cảm biến B501	Cái	52		Ử động, không có nhu cầu SD
		Cộng				